TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3-2023
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Trọng Vĩnh

2. Ông Phạm Quốc Vượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 313/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước: Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thùy D, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp 4A, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: Ông Lê Trọng H, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp Xa T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thùy D trình bày:* Bà Trần Thùy D và ông Lê Trọng H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương và tôn trọng nhau. Bà D thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng không thể hàn gắn, hôn

nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lê Trọng H. Về con chung: Không có.Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

- *Bị đơn ông Lê Trọng H trình bày:* Ông Lê Trọng H và bà Trần Thùy D sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H phải chấp hành án tại trại giam An Phước nên tình cảm vợ chồng không còn như trước. Nay bà Trần Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông H đồng ý ly hôn với bà D. Qúa trình chung sống với bà D giữa ông H với bà D không có con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng. Do hiện nay ông H phải chấp hành án nên không thể tham giải quyết ly hôn tại Tòa án nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy D: Ghi nhận tự nguyện của các đương sự bà Trần Thùy D và ông Lê Trọng H thuận tình ly hôn; Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Trần Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Trọng H, cư trú tại ấp Xa Trạch 1, xã Thanh Bình, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thùy D và ông Lê Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn đề nghị nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội D vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy D thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thùy D và ông Lê Trọng H nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 4 năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện H, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thùy D, ông Lê Trọng H đều xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng không còn có tình cảm, không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Trần Thùy D và ông Lê Trọng H đồng ý ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

- *Về con chung:* Đương sự khai không có con chung

- *Về tài sản chung*: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Đương sự khai không nợ ai, không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Trần Thùy D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thùy D

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thùy D và ông Lê Trọng H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 12/04/2010 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện H, tỉnh Bình Phước)

2. *Về con chung:* Đương sự khai không có con chung

3.*Về tài sản chung*: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thùy D phải chịu

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0014255 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

DƯƠNG QUỐC THÀNH